

Đơn vị: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Mã chương: 417
Mã QHNS: 1096687
Mã KBNN nơi giao dịch: 0061

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày /01/ 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Mã loại	Tổng dự toán được giao	Chi tiết phân bổ			
				Tổng cộng	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Thông tin và Truyền thông Hải Phòng
A	B	C	I	2=3+4+5	3	4	5
A	TỔNG DỰ TOÁN THU						
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách nhà nước phí, lệ phí						
II	Tổng số thu học phí, giá dịch vụ và thu khác						
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN		8.559.924.239	8.559.924.239	4.633.225.088	2.057.727.672	1.868.971.479
I	Chi hoạt động của Cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể	340	6.690.952.760	6.690.952.760	4.633.225.088	2.057.727.672	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		6.690.952.760	6.690.952.760	4.633.225.088	2.057.727.672	
	Chi trả mức thu nhập bình quân tăng thêm		6.690.952.760	6.690.952.760	4.633.225.088	2.057.727.672	
II	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	100	1.868.971.479	1.868.971.479			1.868.971.479
1	Chi hoạt động thường xuyên						

STT	NỘI DUNG	Mã loại	Tổng dự toán được giao	Chi tiết phân bổ			
				Tổng cộng	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Thông tin và Truyền thông Hải Phòng
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		1.868.971.479	1.868.971.479			1.868.971.479
	Chi trả mức thu nhập bình quân tăng thêm		1.868.971.479	1.868.971.479			1.868.971.479
2	Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, nghị quyết						
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN				0061	0061	0061
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch				1048865	1052248	1099165